UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1492/QĐ-ĐHĐN ngày 17/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai).

Đồng Nai, 2022

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH 1

1.1. Giới thiệu chung về CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học 1

1.2. Thông tin chung về CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học 2

2. TRIẾT LÍ GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI 2

2.1. Tầm nhìn 2

2.2. Sứ mạng và giá trị cốt lõi 2

2.3. Triết lí giáo dục 2

2.4. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non 3

3. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 4

3.1. Mục tiêu chung 4

3.2. Mục tiêu cụ thể 4

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 5

5. CƠ HỘI VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP 7

5.1. Vị trí việc làm 7

5.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ 7

6. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP 7

6.1. Thông tin tuyển sinh 7

6.2. Quy trình đào tạo 7

6.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp 7

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP 7

7.1. Dạy học trực tiếp 7

7.2. Dạy học gián tiếp 8

7.3. Dạy học trải nghiệm 8

7.4. Dạy học tương tác 9

7.5. Tự học 9

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ 10

8.1. Các phương pháp đánh giá (Assessment Methods).....10
8.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics) 12
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH 19
9.1. Cấu trúc chương trình 19
9.2. Nội dung chương trình.....20
9.3. Ma trận tương ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT 25
9.4. Kế hoạch giảng dạy dự kiến 32
9.5. Mô tả các học phần 39

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục Tiểu học

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong giai đoạn hiện nay, việc đào tạo lực lượng giáo viên nhằm thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ chiến lược.

Chương trình được phát triển theo tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu của xã hội và các đơn vị công tác, đặc biệt là phục vụ cho sự nghiệp giáo dục của Tỉnh Đồng Nai và các địa phương lân cận. Nội dung chương trình được thiết kế trên cơ sở có tham chiếu với Chương trình đào tạo của các đơn vị có đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học uy tín trong nước: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Huế, Trường Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Tân Trào (Tuyên Quang).

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học là chương trình đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên dạy nhiều môn ở các trường Tiểu học, được cập nhật theo Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể 2018 của Bộ Giáo dục – Đào tạo đang được triển khai nhằm kịp thời đáp ứng nguồn nhân lực đủ chuẩn cho Ngành Giáo dục.

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học xây dựng theo hệ thống đào tạo tín chỉ nhằm trang bị hệ thống kiến thức về Giáo dục Tiểu học và khối kiến thức chuyên ngành đào tạo giáo viên Sư phạm tiểu học. Hình thành cho người học phương pháp tiếp cận và vận dụng những vấn đề thực tiễn của dạy học Tiểu học một cách khoa học, tích cực. Hệ thống tài liệu giảng dạy được cập nhật hằng năm và các phương pháp giảng dạy tích cực được áp dụng để thúc đẩy người học phát triển năng lực học tập suốt đời.

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Đồng Nai được thiết kế dựa trên hệ thống tín chỉ: Khối lượng kiến thức toàn khóa: **130 tín chỉ** (không bao gồm Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

- Khối kiến thức chung: **23 tín chỉ.**
- Khối kiến thức theo chức danh nghề nghiệp: **107 tín chỉ**, bao gồm:
    + Kiến thức cơ sở ngành: 39 tín chỉ.
    + Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm: 22 tín chỉ.

+ Khối kiến thức ngành chuyên sâu: 46 tín chỉ.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học

Tên chương trình: Giáo dục Tiểu học

Tên chương trình tiếng Anh: Primary Education

Ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học

Mã ngành đào tạo: 7140202

Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Nai

Trình độ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm

2. TRIẾT LÍ GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

2.1. Tầm nhìn

Đến 2025 và 2030, Trường Đại học Đồng Nai trở thành cơ sở đào tạo khoa học và công nghệ có thế mạnh trong các lĩnh vực sư phạm, quản lí giáo dục, đào tạo ngoại ngữ và các chuyên ngành kĩ thuật, logistics, thương mại điện tử, kinh tế và du lịch phục vụ cho phát triển của Cảng hàng không Long Thành, các khu công nghiệp gắn với yêu cầu khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

2.2. Sứ mạng và giá trị cốt lõi

Sứ mạng: Đào tạo trình độ Đại học, bồi dưỡng ngắn hạn, cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức, kĩ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm làm việc chuyên nghiệp cho các trường học, các doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động và người học; Hợp tác, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Đồng Nai và khu vực Đông Nam bộ.

Giá trị cốt lõi: Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Hợp tác - Phát triển.

2.3. Triết lí giáo dục

Học để biết - Học để làm - Học để cùng chung sống - Học để tự khẳng định mình.

2.3.1. Học để biết

Người học có khả năng:

- Tự khám phá tri thức của nhân loại;
- Thiết lập mối quan hệ giữa tri thức cũ và mới;

- Ghi nhớ, ứng dụng những tri thức đã học để giải quyết vấn đề thực tế.

2.3.2. Học để làm

Người học có khả năng:

- Sử dụng kiến thức, kĩ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm để giải quyết được những vấn đề thực tế;

- Trình bày cho người khác một cách mạch lạc những tri thức đã học và kĩ năng đã làm;

- Lao động để tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho bản thân, gia đình, xã hội.

2.3.3. Học để chung sống

Người học có khả năng:

- Làm việc nhóm, lập kế hoạch và quản lí công việc, giao tiếp, đồng cảm, hỗ trợ, bao dung, tha thứ;

- Ứng phó với những thách thức của cuộc sống;

- Quý trọng những điều hay lẽ phải trong cuộc sống, yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ môi trường.

2.3.4. Học để tự khẳng định mình

Người học có khả năng:

- Tạo lập và phát triển được giá trị của riêng mình;

- Tạo ra tri thức mới, giá trị mới cho bản thân và cộng đồng.

2.4. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non

2.4.1. Tầm nhìn

Khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non Trường Đại học Đồng Nai tích cực thực hiện hiệu quả việc đổi mới Giáo dục - Đào tạo, góp phần nâng cao, phát triển chất lượng giáo dục của Khoa và của Nhà trường.

Phấn đấu đến năm 2025 trở thành cơ sở đào tạo giáo viên tiểu học trình độ Đại học đảm bảo uy tín, chất lượng cao tại địa phương và toàn khu vực phía Nam.

Phấn đấu khoảng năm 2030 đến 2035 trở thành một trong những Khoa Sư phạm chủ lực của Trường Đại học Đồng Nai có vị thế lớn, đào tạo giáo viên ngành Giáo dục tiểu học đạt chất lượng cao từ bậc Đại học đến Sau Đại học với các chương trình đào tạo đạt kiểm định theo tiêu chuẩn khu vực Đông Nam Á.

2.4.2. Sứ mạng

Khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non Trường Đại học Đồng Nai là cơ sở giáo dục có nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên tiểu học, giáo viên Mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng, đáp ứng tốt các yêu cầu thực tiễn đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục - Đào tạo và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai, trong khu vực Đông Nam Bộ cũng như cả nước.

2.4.3. Mục tiêu chiến lược của Khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non

Tập thể Khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non Trường Đại học Đồng Nai luôn đồng hành, kiên trì, mạnh mẽ, đoàn kết và năng động sáng tạo để những giá trị niềm tin được chuyển hóa thành những giá trị thành tựu cụ thể.

Xây dựng chiến lược phát triển Khoa trong giai đoạn 05 năm và 10 năm tới. Đưa ra và vận hành chính sách về hệ thống đào tạo, quy định công tác, kế hoạch giảng dạy, hoạt động chuyên môn hàng tháng hoặc theo từng học kì.

Liên tục rà soát, cập nhật, cải tiến Chương trình Đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học theo chuẩn Chương trình Giáo dục phổ thông mới nhất do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có đủ phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của một giáo viên Tiểu học trình độ Đại học; góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên nghiệp, hiện đại cho giáo dục bậc Tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và quản lí giáo dục của Ngành.

3.2. Mục tiêu cụ thể *(Program Object - Viết tắt là PO)*

- ***Về kiến thức:***

PO1: Có kiến thức về chính trị, xã hội và nhân văn, kiến thức liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ

PO2: Có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành Giáo dục Tiểu học

- ***Về kĩ năng:***

PO3: Thực hiện thành thạo, hiệu quả các kĩ năng dạy học, kĩ năng giáo dục học sinh tiểu học

PO4: Giải quyết hiệu quả những vấn đề liên quan trong thực tiễn giáo dục tiểu học

- ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:***

PO5: Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp giáo viên tiểu học, thể hiện tinh thần đam mê nghề nghiệp,khát khao học tập suốt đời và tinh thần cống hiến cho sự nghiệp giáo dục.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program Learning Outcomes - Viết tắt là PLOs)

Bảng 1. *Chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học*

PLOs	PLO Details
A1. Kiến thức chung (General Knowledge)	
PLO1	Có kiến thức về lí luận chính trị, giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh và biết cách thức vận dụng sáng tạo trong hoạt động nhận thức, hoạt động nghề nghiệp
PLO2	Có kiến thức liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ
A2. Kiến thức theo chức danh nghề nghiệp (Occupational Knowledge)	
PLO3	Có kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, các kiến thức thuộc lĩnh vực nghệ thuật, công nghệ và hiểu rõ cách thức vận dụng các kiến thức này vào hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục ở tiểu học
PLO4	Có kiến thức về tâm lí học sư phạm, tâm lí học lứa tuổi, phương pháp giáo dục và quản lí học sinh tiểu học, nội dung và phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học, kiểm tra đánh giá hoạt động học tập của học sinh tiểu học; hiểu rõ cách thức vận dụng các kiến thức kể trên vào hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục phù hợp với từng đối tượng học sinh tiểu học
B1. Kĩ năng chung (General Skills)	
PLO5	Khai thác và sử dụng được các ứng dụng công nghệ thông tin, các thiết bị công nghệ trong các hoạt động dạy học, giáo dục
PLO6	Phát huy được năng lực tư duy phản biện, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác, tự học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn giáo dục
B2. Kĩ năng nghề nghiệp (Occupational Skills)	
PLO7	Vận dụng đa dạng và hiệu quả các cách tiếp cận học sinh, cách thu

	thập, xử lí thông tin về học sinh tiểu học; xây dựng môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho học sinh tiểu học
PLO8	Thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động dạy học phù hợp với các nội dung giáo dục ở tiểu học
PLO9	Tổ chức hoạt động triển khai hoạt động giáo dục và dạy học ở tiểu học một cách hiệu quả
PLO10	Sử dụng hiệu quả, sáng tạo các phương tiện dạy học, thiết bị dạy học ở trường tiểu học
PLO11	Vận dụng hiệu quả cách đánh giá phẩm chất và năng lực của học sinh tiểu học; vận dụng hiệu quả kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động dạy học và hỗ trợ, tư vấn cho học sinh tiểu học
PLO12	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục để thực hiện những nghiên cứu đơn giản phục vụ hoạt động dạy học ở tiểu học hiệu quả
C. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (Self-control ability anh responsibility)	
PLO13	Tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng; yêu nghề và có trách nhiệm với nghề giáo, thể hiện tinh thần cống hiến cho sự nghiệp giáo dục

Bảng 2. *Quan hệ giữa mục tiêu (PO) với chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT*

Mục tiêu của chương trình đào tạo (PO)	**Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)**												
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**
PO1	x	x	x										x
PO2			x	x									x
PO3		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
PO4	x	x	x	x	x	x	x						
PO5	x		x	x		x							x

5. CƠ HỘI VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

5.1. Vị trí việc làm

- Giáo viên giảng dạy tại các trường Tiểu học;

- Chuyên viên, nhân viên văn phòng tại Phòng Giáo dục Đào tạo; các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng; nhà văn hóa;…

5.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ

- Học các Chương trình Sau Đại học chuyên ngành Giáo dục Tiểu học trong nước và ngoài nước;

- Đủ năng lực tự học, nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lí giáo dục.

6. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Thông tin tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành và Đề án Tuyển sinh của trường Đại học Đồng Nai.

6.2. Quy trình đào tạo

Theo Quy trình đào tạo của trường Đại học Đồng Nai:

- Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, thực hiện tuân theo Luật Giáo dục Đại học, các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Đồng Nai.

- Thời gian đào tạo trong 04 năm, mỗi năm học gồm 02 học kì chính và 01 học kì phụ (được tính gộp vào học kì chính kế trước).

6.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây:

- Tích lũy đủ số tín chỉ, số học phần của chương trình đào tạo và đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 trở lên;

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất, đạt các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường Đại học Đồng Nai.

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

7.1. Dạy học trực tiếp

Đây là chiến lược dạy học cho phép thông tin được chuyển tải đến người học một cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe, thường được áp dụng

ở các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt những thông tin cơ bản hay giải thích một kĩ năng mới. Áp dụng cho chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học thường dùng các phương pháp như:

- *Giải thích cụ thể:* Giảng viên hướng dẫn, giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp người học đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kĩ năng.

- *Thuyết giảng*: Giảng viên thuyết giảng để trình bày và giải thích nội dung bài học, người học nghe giảng để tiếp nhận, tích lũy và ghi chú để lưu giữ kiến thức.

7.2. Dạy học gián tiếp

Đây là chiến lược dạy học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học mà thay vào đó, người học tích cực tham gia vào tiến trình học tập, tìm kiếm và sử dụng kĩ năng tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề được nêu trong bài học. Áp dụng cho chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học thường dùng các phương pháp như:

- *Câu hỏi gợi mở:* Giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở vấn đề, hướng dẫn người học từng bước trả lời nhằm làm rõ và giải quyết vấn đề; bên cạnh đó, người học còn tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết vấn đề.

- *Giải quyết vấn đề:* Người học tiếp nhận và đạt được kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu của môn học khi đối mặt với việc làm sáng tỏ và tìm giải pháp cho vấn đề được đặt ra.

- *Học theo tình huống:* Giảng viên nêu trường hợp có thách thức đang xảy ra trong thực tế (tình huống) và yêu cầu người học (thường theo nhóm) tìm cách xử lí, qua đó họ từng bước hình thành kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng ra quyết định, kĩ năng nghiên cứu.

7.3. Dạy học trải nghiệm

Đây là chiến lược dạy học mà người học tiếp nhận được kiến thức và kĩ năng qua thực hành, làm việc trên thực tế rồi quan sát, cảm nhận và thấu hiểu. Áp dụng cho chiến lược dạy học này, thường có các phương pháp như:

- *Mô hình*: Người học quan sát, tìm hiểu quá trình, tự mình xây dựng hay tự thiết kế mô hình theo yêu cầu của giảng viên nhằm tiếp nhận nội dung kiến thức và kĩ năng đặt ra.

- *Thực tập, thực tế:* Hoạt động thực tập thực tế giúp người học tìm hiểu môi trường làm việc, các công nghệ đang áp dụng trong lĩnh vực ngành, nghề được đào tạo, góp phần hình thành kĩ năng nghề, văn hóa làm việc và tạo cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

7.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy học mà giảng viên kết hợp sử dụng nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề, nêu câu hỏi gợi mở và yêu cầu người học cùng thảo luận, tranh luận để làm rõ và tìm ra phương án giải quyết, qua đó phát triển các kĩ năng xã hội, tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán, đưa ra quyết định. Áp dụng cho chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học thường dùng các phương pháp như:

- *Tranh luận:* Giảng viên nêu vấn đề của bài học, người học tranh luận với nhau; mỗi người học phân tích, lí giải và thuyết phục người khác ủng hộ quan điểm của mình, qua đó hình thành các kĩ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kĩ năng thuyết trình, trình bày trước đám đông.

- *Thảo luận:* Người học được chia thành các nhóm để bàn luận, trao đổi, bổ sung và thống nhất quan điểm với nhau về vấn đề được giảng viên đặt ra; khác với tranh luận, trong thảo luận, người học có cùng quan điểm và mục tiêu chung thường tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

- *Học nhóm:* Người học được tổ chức thành nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề của bài học và trình bày kết quả hoạt động của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình với sự đánh giá, góp ý, bổ sung của các nhóm khác và giảng viên.

7.5. Tự học

Đây là chiến lược mà người học tiến hành hoạt động học tập của mình với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên, qua đó họ tự định hướng việc học theo kinh nghiệm của bản thân, có quyền tự chủ và tự điều khiển hoạt động học của mình qua các bài tập hay vấn đề mà giảng viên đã gợi ý, hướng dẫn khi ở lớp. Áp dụng cho chiến lược này trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học thường dùng phương pháp *Bài tập ở nhà:*

- *Bài tập ở nhà:* Người học được giảng viên giao thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ làm việc ở nhà, qua đó hình thành năng lực và phương pháp tự học, tiếp nhận kiến thức và kĩ năng theo yêu cầu môn học.

Các chiến lược và phương pháp dạy học trên đây giúp người học đạt Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDTH thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. *Quan hệ giữa chiến lược và phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra (PLOs)*

Chiến lược và phương pháp dạy học	**Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)**												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Dạy học trực tiếp													
Giải thích cụ thể	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dạy học gián tiếp													
Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Học theo tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dạy học trải nghiệm													
Mô hình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thực tập, thực tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dạy học tương tác													
Tranh luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Học nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tự học													
Bài tập ở nhà	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Các phương pháp đánh giá (Assessment Methods)

Chương trình đào tạo áp dụng 2 phương pháp đánh giá là đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc. Tùy thuộc từng học phần, việc đánh giá được áp dụng có thể nhiều hơn các hình thức trong bản mô tả Chương trình đào tạo này.

8.1.1. Đánh giá quá trình (Assessment Process)

Đây là hoạt động thường xuyên liên tục nhằm hỗ trợ người dạy và học tự đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng buổi học, làm cơ sở cho hoàn thành đánh giá từng tín chỉ, học phần của Chương trình đào tạo. Đánh giá theo tiến

trình nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Đánh giá quá trình gồm:

(1) Tính chuyên cần;

(2) Việc hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và nhiệm vụ thuyết trình;

Các đánh giá quá trình tuân theo quy định tại Quy chế đào tạo của Trường Đại học Đồng Nai.

8.1.2. Đánh giá kết thúc học phần (Examination)

Đây là hoạt động do Trường Đại học Đồng Nai tổ chức khi kết thúc học kì hoặc khi kết thúc học phần trong Chương trình đào tạo. Thi học phần theo hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận…

Bảng 4. *Quan hệ giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra (PLOs)*

Phương pháp kiểm tra đánh giá	**Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)**												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Đánh giá quá trình													
Đánh giá chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Đánh giá kết thúc học phần													
Trắc nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tự luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thi vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Trình bày bài giảng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Bảo vệ đồ án, khóa luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

8.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	***Trọng số (%)***	***Mức độ đạt chuẩn quy định***				
		A	***B***	***C***	***D***	***F***
		8.5 - 10	*7.0 - 8.4*	*5.5 - 6.9*	*4.0 - 5.4*	*0.0 - 3.9*
Dự học trên lớp	50%	Dự học trên lớp đầy đủ (> 90%)	Dự học trên lớp đầy đủ (75 - 90%)	Dự học trên lớp khá đầy đủ (55 - 75%)	Dự học trên lớp chưa đầy đủ (40 - 55%)	Dự học trên lớp quá ít (< 40%)
Đóng góp tại lớp	50%	Tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học rất hiệu quả.	Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học hiệu quả.	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, một số đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả.	Có tham gia các hoạt động trên lớp, một số ít đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả.	Không tham gia các hoạt động trên lớp, không có đóng góp tại lớp.

8.2.2. Đánh giá bài tập

Tiêu chí đánh giá	***Trọng số (%)***	***Mức độ đạt chuẩn quy định***				
		A	***B***	***C***	***D***	***F***
		8.5 - 10	*7.0 - 8.4*	*5.5 - 6.9*	*4.0 - 5.4*	*0.0 - 3.9*
Nộp bài tập	20%	Nộp bài đầy đủ (100%), đúng thời gian quy định.	Nộp bài đầy đủ (100%), hầu hết đúng thời gian quy định.	Nộp bài đầy đủ (100%), một số nhất định chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài khá đầy đủ (70%), nhiều bài tập chưa đúng thời gian quy	Không nộp bài tập.

					định.	
Trình bày bài tập	30%	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, logic chặt chẽ, hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, khoa học, ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lí.	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, logic chặt chẽ, hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp, ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lí.	Trình bày đúng quy cách, hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp, còn một số lỗi nhỏ về trình bày (chính tả, ghi chú, kích cỡ.	Trình bày lộn xộn, không đúng quy cách, hình vẽ, bảng biểu không phù hợp.	Không có bài tập.
Nội dung bài tập	50%	Nội dung bài tập chính xác, đầy đủ, tính toán logic, chi tiết rõ đúng theo yêu cầu, rõ ràng, hoàn toàn hợp lí.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lí đúng theo yêu cầu, tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu, nhưng chưa thật hợp lí, còn một số sai sót.	Nội dung bài tập còn thiếu khá nhiều không đúng theo yêu cầu, nhưng chưa thật hợp lí, còn một số sai sót.	Không có bài tập.

8.2.3. Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	***Trọng số (%)***	***Mức độ đạt chuẩn quy định***				
		A	***B***	***C***	***D***	***F***
		8.5 – 10	*7.0 - 8.4*	*5.5 - 6.9*	*4.0 - 5.4*	*0.0 - 3.9*
Nội dung báo cáo	50%	Nội dung phong phú	Hoàn toàn phù hợp	Phù hợp với yêu	Phù hợp với yêu	Thiếu nhiều nội

		hơn yêu cầu; chính xác, khoa học, sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu.	với yêu cầu; khá chính xác, khoa học, sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu.	cầu; tương đối chính xác, khoa học; tuy nhiên giải thích chưa rõ ràng.	cầu; tuy nhiên còn thiếu một số nội dung quan trọng.	dung quan trọng hoặc không phù hợp với yêu cầu; thiếu chính xác, khoa học.
Cấu trúc và tính trực quan	10%	Cấu trúc bài và slide rất hợp lí, rất trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide hợp lí, trực quan và thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide tương đối hợp lí, rõ ràng.	Cấu trúc bài và slide chưa hợp lí, ít trực quan, thẩm mỹ.	Cấu trúc bài và slide quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định.
Thuyết trình	10%	- Phần trình bày rất súc tích, có bố cục rõ ràng - Âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút và tương tác tốt với người nghe - Người nghe có thể hiểu và bắt kịp tất cả nội dung được trình bày - Thời gian	- Phần trình bày khá súc tích; sử dụng từ đơn giản, dễ hiểu - Âm giọng rõ ràng, lưu loát, tương tác tốt với người nghe - Người nghe có thể hiểu	- Phần trình bày theo bố cục rõ ràng - Âm giọng vừa phải, dễ nghe - Người nghe có thể hiểu nội dung được trình bày - Thời gian trình bày	- Phần trình bày đầy đủ - Âm giọng thấp, một số từ không rõ ràng - Chưa có tương tác - Thời gian trình bày đúng quy định.	- Phần trình không logic; sử dụng từ không đúng - Âm giọng thấp, không rõ - Người nghe không hiểu - Vượt quá thời gian quy định.

		trình bày đúng quy định.	nội dung được trình bày - Thời gian trình bày đúng quy định.	đúng quy định.		
Trả lời câu hỏi	30%	Trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng tất cả các câu hỏi.	Trả lời đúng đa số câu hỏi, và nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Trả lời đúng đa số câu hỏi, nhưng không nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Không trả lời được đa số câu hỏi, nhưng nêu được định hướng phù hợp với những câu hỏi chưa trả lời được.	Không trả lời được câu hỏi và không nêu được định hướng phù hợp.

8.2.4. Đánh giá khóa luận

Tiêu chí đánh giá	***Trọng số (%)***	***Mức độ đạt chuẩn quy định***				
		A	***B***	***C***	***D***	***F***
		8.5 - 10	*7.0 - 8.4*	*5,5 - 6.9*	*4.0 - 5.4*	*0.0 - 3.9*
Nội dung khóa luận	50%	- Khóa luận hoàn thành tốt các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; lập	- Khóa luận hoàn thành các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra; lập luận tương đối	- Khóa luận hoàn thành hầu hết các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra, lập luận tương đối chặt chẽ.	- Khóa luận hoàn thành được một phần các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra, lập luận	- Khóa luận có mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng hoặc không hoàn thành được mục tiêu

		luận chặt chẽ, khoa học.	chặt chẽ.		chưa chặt chẽ.	nghiên cứu đã đặt ra; lập luận sơ sài, có nhiều điểm sai sót.
Hình thức khóa luận	10%	- Trình bày khoa học, đúng quy định. - Hình vẽ, bảng biểu sử dụng có ghi chú cụ thể, hợp lí. - Trích dẫn đầy đủ, đúng quy định	- Trình bày đúng quy định. - Hình vẽ, bảng biểu… sử dụng có ghi chú đầy đủ. - Trích dẫn khá đầy đủ, đúng quy định	- Trình bày đúng quy định. - Hình vẽ, bảng biểu sử dụng có ghi chú. - Trích dẫn chưa đầy đủ. - Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (chính tả, kích cỡ)	- Trình bày có phần chưa đúng quy định. - Hình vẽ, bảng biểu sử dụng chưa ghi chú đầy đủ. - Trích dẫn chưa đúng quy định. - Còn một số lỗi về trình bày (chính tả, kích cỡ)	- Trình bày không đúng định. - Hình vẽ, bảng biểu sử dụng không ghi chú. - Không trích dẫn. - Mắc nhiều lỗi về trình bày (chính tả, kích cỡ)
Bảo vệ khóa luận	10%	- Bài trình bày súc tích, bố cục rõ ràng. - Thời gian trình bày đúng quy định. - Âm	- Bài trình bày khá súc tích, bố cục rõ ràng. - Thời gian trình bày đúng quy định. - Âm giọng	- Bài trình bày có bố cục tương đối rõ ràng. - Thời gian trình bày đúng quy định. - Âm giọng vừa phải, dễ	- Bài trình bày có bố cục chưa hợp lí. - Vượt quá thời gian quy định. - Âm giọng thấp, một số từ không rõ	- Bài trình bày bố cục lộn xộn, không rõ ràng. - Vượt quá thời gian quy định. - Âm giọng thấp, không

		giọng rõ ràng, lưu loát, tự tin	rõ ràng, tự tin	nghe	ràng, có phần thiếu tự tin	rõ, thiếu tự tin
Trả lời câu hỏi	30%	- Trả lời chính xác, đầy đủ, rõ ràng, liên quan trực tiếp đến câu hỏi của các thành viên hội đồng, lập luận, phân tích thuyết phục.	- Trả lời chính xác, khá đầy đủ, liên quan đến câu hỏi của các thành viên hội đồng, lập luận, phân tích khá thuyết phục.	- Trả lời khá đầy đủ nhưng có phần chưa ngắn gọn, liên quan đến câu hỏi của các thành viên hội đồng, lập luận, phân tích có phần không thuyết phục.	- Trả lời chưa đầy đủ, thiếu trọng tâm, ít liên quan đến câu hỏi của các thành viên hội đồng, lập luận, phân tích không thuyết phục.	- Trả lời lạc đề các câu hỏi của các thành viên hội đồng; không trả lời được các câu hỏi căn bản về kiến thức liên quan đến khóa luận.

8.2.5. Đánh giá trình bày bài giảng

Tiêu chí đánh giá	***Trọng số (%)***	***Mức độ đạt chuẩn quy định***				
		A	***B***	***C***	***D***	***F***
		8.5 - 10	*7.0 - 8.4*	*5,5 - 6.9*	*4.0 - 5.4*	*0.0 - 3.9*
Kiến thức	50%	Bài giảng đủ, đúng kiến thức, bài giảng chính xác, có hệ thống. Có lồng ghép, gắn với nội dung môn	Bài giảng đủ kiến thức, có hệ thống, có lồng ghép gắn với nội dung môn học nhưng không liên	Bài giảng tương đối đầy đủ kiến thức, có hệ thống, có lồng ghép gắn với nội dung môn học nhưng	Bài giảng tương đối đầy đủ kiến thức, nhưng không có hệ thống lồng ghép gắn với nội	Bài giảng thiếu kiến thức và hệ thống, không lồng

		học; liên hệ giáo dục cho học sinh các phẩm chất, đức tính cần thiết, phù hợp với bài học.	hệ giáo dục cho học sinh các phẩm chất đạo đức.	không liên hệ giáo dục cho học sinh các phẩm chất giáo dục.	dung môn học nhưng không liên hệ giáo dục cho học sinh các phẩm chất giáo dục	ghép với nội dung môn học và không có sự liên hệ giáo dục cho học sinh.
Kĩ năng sư phạm	10%	-Vận dụng hình thức và phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh, phát huy tính tích cực, năng động, sáng tạo của học sinh. -Đánh giá, kiểm tra kết quả học tập của học sinh đảm bảo theo chuẩn kiến thức, kĩ năng môn học; xử lí các tình uống sư phạm mang tính giáo dục cao.	- Vận dụng được các phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh nhưng chưa phát huy được tính sáng tạo của học sinh. - Đánh giá, kiểm tra kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức và xử lí các tình huống sư phạm.	- Vận dụng tương đối các phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh, chưa phát huy được tính sáng tạo. - Đánh giá, kiểm tra kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức	- Vận dụng tương đối các phương pháp phù hợp với đối tượng học sinh nhưng chưa phát huy được tính sáng tạo - Đánh giá, kiểm tra sơ sài	- Không vận dụng được các phương pháp phù hợp đối với học sinh. - Không đánh giá, kiểm tra.

Thái độ sư phạm	10%	Giáo viên khích lệ, động viên học sinh kịp thời trong tiết học. - Kịp thời giúp đỡ những học sinh gặp khó khăn trong học tập, tác phong đảm bảo tính mô phạm.	Giáo viên khích lệ học sinh - Chưa kịp thời trong việc giúp đỡ những học sinh gặp khó khăn.	Giáo viên chỉ chú ý đến một số em nổi trội và chưa kịp thời giúp đỡ các em khó khăn.	Giáo viên chưa bao quát hết lớp. Không giúp đỡ các em học sinh yếu .	- Chưa có sự khích lệ, động viên của giáo viên. - Không giúp đỡ những em học sinh yếu.
Hiệu quả	30%	- Học sinh chủ động, tích cực tiếp thu bài. -Vận dụng thành thục kiến thức bài học.	Học sinh tiếp thu được bài học. Có thể vận dụng kiến thức đã học	Học sinh tiếp thu được bài nhưng không biết vận dụng	Học sinh tiếp thu bài chậm và không vận dụng được.	Học sinh tiếp thu 1/2 bài hoặc không hiểu bài

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Cấu trúc chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (không tính Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- Khối kiến thức chung: 23 tín chỉ
- Khối kiến thức theo chức danh nghề nghiệp: 107 tín chỉ. Gồm:
  + Kiến thức cơ sở ngành: 39 tín chỉ
  + Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm: 22 tín chỉ
  + Khối kiến thức ngành chuyên sâu: 46 tín chỉ

9.2. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ		Học phần học trước
				Lí thuyết	Thực hành	
I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			**23**			
1	2101001	Triết học Mác - Lênin	3	45		
2	2101002	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30		2103001
3	2101003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		2103002
4	2101004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2103003
5	2101005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30		2103004
6	2101006	Tin học đại cương	3	30	30	
7	2101007	Tiếng Anh 1	2	30		
8	2101008	Tiếng Anh 2	2	30		
9	2101009	Tiếng Anh 3	3	45		
10	2101010	Pháp luật đại cương	2	30		
11	2101011	Giáo dục thể chất	3			
12	2101012	Giáo dục quốc phòng	165 t			
II. KHỐI KIẾN THỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP						
Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm			**13**			
13	2103101	Tâm lí học đại cương	2	30		

14	2103102	Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm ở tiểu học	3	45		
15	2103103	Giáo dục học đại cương	2	30		
16	2103104	Lí luận dạy học và Lí luận giáo dục ở tiểu học	2	30		
17	2103105	Quản lí hành chính nhà nước và Quản lí ngành giáo dục - đào tạo	2	30		
18	2103106	Giao tiếp sư phạm	2	30		
Thực hành sư phạm			**09**			
19	2103301	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học	2		60	
20	2103302	Thực tập sư phạm 1	2		x	
21	2103303	Thực tập sư phạm 2	5		x	2103302
Khối kiến thức cơ sở ngành			**39**			
22	2103107	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30		2103001 2103101
23	2103108	Tiếng Việt thực hành	2	30		
24	2103109	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1	3	30	30	
25	2103110	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 2	3	30	30	
26	2103111	Lí luận văn học và Văn học thiếu nhi	3	45		
27	2103112	Cơ sở Toán học 1	3	45		

28	2103113	Cơ sở Toán học 2	3	45		2103112
29	2103114	Thống kê trong giáo dục	2	30		
30	2103115	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội (phần Khoa học)	3	45		
31	2103116	Cơ sở Tự nhiên vả Xã hội (phần Lịch sử)	2	30		
32	2103117	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội (Phần Địa lí)	2	30		
33	2103118	Âm nhạc	2	30		
34	2103119	Mỹ thuật	2		60	
35	2103120	Công nghệ	2		60	
36	2103121	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	3	45		
37	2103122	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học	2	15	30	2101006
Khối kiến thức chuyên sâu của ngành						
a. Bắt buộc			**32**			
38	2103304	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	30	30	
39	2103305	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	30	30	2103304
40	2103306	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	3	45		
41	2103307	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	3	45		

42	2103308	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	3	45		
43	2103309	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	3	30	30	
44	2103310	Phương pháp dạy học Công nghệ	2	15	30	2103120
45	2103311	Phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học	2	30		
46	2103312	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	2	30		2103118
47	2103313	Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	2	15	30	2103119
48	2103314	Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học	2	30		2103011
49	2103315	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	2	30		
50	2103316	Tổ chức hoạt động Đội trong trường tiểu học	2	15	30	
b. Tự chọn			**8**			
Tự chọn 1: *Nhóm Nghệ thuật (chọn 1/4 học phần)*			**2/8**			
51	2103401	Nhạc cụ	2	30		2103118
52	2103402	Kĩ thuật đệm hát	2	30		2103118
53	2103403	Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát thiếu nhi	2	30		2103118
54	2103404	Thiết kế Mỹ thuật cơ bản	2		60	

Tự chọn 2: *Nhóm Tự nhiên – Xã hội (chọn 1/6 học phần)*			**2/12**			
55	2103405	Tổ chức hoạt động tìm hiểu thực tế thế giới thực vật và động vật cho học sinh tiểu học	2	15	30	
56	2103406	Biển và Đảo Việt Nam	2	30		
57	2103407	Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học Tự nhiên - Xã hội	2	30		
58	2103408	Giáo dục STEAM ở tiểu học	2	30		
59	2103409	Tổ chức thực hành và thí nghiệm trong dạy học Tự nhiên - Xã hội	2	15	30	
60	2103410	Tích hợp giáo dục kĩ năng sống trong dạy học Tự nhiên - Xã hội	2	30		
Tự chọn 3: *Nhóm Toán (chọn 1/3 học phần)*			**2/6**			
61	2103411	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề Toán học cho học sinh tiểu học	2	30		
62	2103412	Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở tiểu học	2	30		
63	2103413	Số học	2	30		
Tự chọn 4: *Nhóm Văn – Tiếng Việt (chọn 1/5 học phần)*			**2/10**			
64	2103414	Thực hành giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học	2	30		2103304 2103305
65	2103415	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt	2	30		2103305

		ở tiểu học				
66	2103416	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30		
67	2103417	Thi pháp văn học thiếu nhi	2	30		2103111
68	2103418	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học	2	30		2103304 2103305
Khóa luận hoặc các học phần thay thế			**6**			
69	2103419	Khóa luận	6			
Các học phần thay thế khóa luận *(chọn 2/3 học phần sau đây)*			**6/9**			
70	2103420	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học.	3	45		2103305
71	2103421	Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học môn Toán.	3	45		
72	2103422	Dạy học phát triển năng lực các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	3	45		2103309
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**130**			

9.3. Ma trận tương ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)												
			1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**
I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG															
1	2101001	Triết học Mác - Lênin	x		x			x						x	x
2	2101002	Kinh tế chính trị Mác –	x					x							x

		Lênin													
3	2101003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x		x			x						x	x
4	2101004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x		x			x	x		x		x	x	x
5	2101005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x										x		x
6	2101006	Tin học đại cương		x	x		x		x		x	x		x	x
7	2101007	Tiếng Anh 1	x	x	x		x	x				x			x
8	2101008	Tiếng Anh 2	x	x	x		x	x				x			x
9	2101009	Tiếng Anh 3	x	x	x		x	x				x			x
10	2101010	Pháp luật đại cương	x						x						x
11	2101011	Giáo dục thể chất	x					x							x
12	2101012	Giáo dục quốc phòng	x					x							x
II. KHỐI KIẾN THỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP															
Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm															
13	2103101	Tâm lí học đại cương			x	x		x	x	x				x	x
14	2103102	Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm ở tiểu học				x		x		x	x		x		x
15	2103103	Giáo dục học đại cương		x	x	x		x	x	x	x		x	x	x
16	2103104	Lí luận dạy học và Lí luận giáo dục ở tiểu học				x			x	x	x		x		x

17	2103105	Quản lí hành chính nhà nước và Quản lí ngành giáo dục- đào tạo	x			x			x						
18	2103106	Giao tiếp sư phạm				x		x	x						
Thực hành sư phạm															
19	2103301	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học							x	x	x	x	x		
20	2103302	Thực tập sư phạm 1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
21	2103303	Thực tập sư phạm 2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Khối kiến thức cơ sở ngành															
22	2103107	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
23	2103108	Tiếng Việt thực hành			x	x		x		x			x	x	x
24	2103109	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1			x	x		x	x	x					x
25	2103110	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 2			x	x		x		x			x		x
26	2103111	Lí luận văn học và Văn học thiếu nhi			x	x		x		x	x		x		x
27	2103112	Cơ sở Toán học 1			x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
28	2103113	Cơ sở Toán học 2	x		x			x	x			x		x	x
29	2103114	Thống kê trong giáo dục			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

30	2103115	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội (phần Khoa học)			x		x	x							x
31	2103116	Cơ sở Tự nhiên vả Xã hội (phần Lịch sử)			x	x		x	x	x	x			x	x
32	2103117	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội (Phần Địa lí)			x	x			x			x		x	x
33	2103118	Âm nhạc	x	x	x		x	x		x		x	x	x	x
34	2103119	Mỹ thuật			x			x				x		x	x
35	2103120	Công nghệ	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
36	2103121	Đánh giá trong giáo dục tiểu học				x		x	x	x	x		x		x
37	2103122	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học		x		x	x			x		x			
Khối kiến thức chuyên sâu của ngành															
a. Bắt buộc															
38	2103304	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1						x	x	x	x	x		x	
39	2103305	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2				x	x	x	x	x	x	x	x		x
40	2103306	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
41	2103307	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

42	2103308	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
43	2103309	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học				x	x	x	x	x	x	x	x		x
44	2103310	Phương pháp dạy học Công nghệ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
45	2103311	Phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học			x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
46	2103312	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
47	2103313	Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
48	2103314	Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học	x	x		x				x	x	x			x
49	2103315	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x
50	2103316	Tổ chức hoạt động Đội trong trường tiểu học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
b. Tự chọn															
Tự chọn 1: *Nhóm Nghệ thuật (chọn 1/4 học phần)*															
51	2103401	Nhạc cụ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
52	2103402	Kĩ thuật đệm hát	x		x			x	x	x	x	x	x	x	x
53	2103403	Thể loại và phương	x		x	x		x	x	x	x	x	x	x	x

		pháp thể hiện bài hát thiếu nhi													
54	2103404	Thiết kế Mỹ thuật cơ bản		x	x	x	x	x		x		x			x
Tự chọn 2: *Nhóm Tự nhiên-Xã hội (chọn 1/6 học phần)*															
55	2103405	Tổ chức hoạt động tìm hiểu thực tế thế giới thực vật và động vật cho học sinh tiểu học				x	x	x	x	x					x
56	2103406	Biển và Đảo Việt Nam	x		x		x	x				x			x
57	2103407	Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học Tự nhiên - Xã hội			x	x	x	x		x		x			x
58	2103408	Giáo dục STEAM ở tiểu học				x	x	x	x	x	x	x	x		x
59	2103409	Tổ chức thực hành và thí nghiệm trong dạy học Tự nhiên - Xã hội				x	x	x	x	x					x
60	2103410	Tích hợp giáo dục kĩ năng sống trong dạy học Tự nhiên - Xã hội		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
Tự chọn 3: *Nhóm Toán (chọn 1/3 học phần)*															
61	2103411	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề Toán học cho học sinh tiểu học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
62	2103412	Bồi dưỡng học sinh	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

		giỏi Toán ở tiểu học													
63	2103413	Số học		x	x		x	x						x	x
Tự chọn 4: *Nhóm Văn -Tiếng Việt (chọn 1/5 học phần)*															
64	2103414	Thực hành giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học				x	x	x	x	x	x	x	x		
65	2103415	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học			x	x		x	x	x					x
66	2103416	Cơ sở văn hóa Việt Nam			x		x				x			x	x
67	2103417	Thi pháp văn học thiếu nhi			x	x		x		x	x		x		x
68	2103418	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học				x		x	x	x	x	x			x
Khóa luận hoặc các học phần thay thế															
69	2103419	Khóa luận tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp *(chọn 2/3 học phần sau đây)*															
70	2103420	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học.				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
71	2103421	Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học môn Toán.	x		x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
72	2103422	Dạy học phát triển				x	x	x	x	x	x	x	x		x

		năng lực các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học													

9.4. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kì							
				1	2	3	4	5	6	7	8
I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			**23**								
Nhóm học phần bắt buộc											
1	2101001	Triết học Mác - Lênin	3		3						
2	2101002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			2					
3	2101003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				2				
4	2101004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					2			
5	2101005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2						2		
6	2101006	Tin học đại cương	3		3						
7	2101007	Tiếng Anh 1	2		2						
8	2101008	Tiếng Anh 2	2			2					
9	2101009	Tiếng Anh 3	3				3				
10	2101010	Pháp luật đại cương	2	2							
11	2101011	Giáo dục thể chất	1	1							
12	2101012	Giáo dục quốc phòng	165t								
Nhóm học phần tự chọn			2								
Giáo dục thể chất 2			*1*								
11	BOCH2	Bóng chuyền	1		1						
	BODA2	Bóng đá	1		1						

	CALO2	Cầu lông	1		1						
	VOTA2	Võ Taekwondo	1		1						
Giáo dục thể chất 3			*1*								
	BOCH3	Bóng chuyền	1			1					
	BODA3	Bóng đá	1			1					
	CALO3	Cầu lông	1			1					
	VOTA3	Võ Taekwondo	1			1					
II. KHỐI KIẾN THỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP											
Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm			**13**								
13	2103101	Tâm lí học đại cương	2	2							
14	2103102	Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm ở tiểu học	3			3					
15	2103103	Giáo dục học đại cương	2	2							
16	2103104	Lí luận dạy học và Lí luận giáo dục ở tiểu học	2			2					
17	2103105	Quản lí hành chính nhà nước và Quản lí ngành Giáo dục – Đào tạo	2			2					
18	2103106	Giao tiếp sư phạm	2				2				
Thực hành sư phạm			**09**								
19	2103301	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học	2		2						
20	2103302	Thực tập sư phạm 1	2					2			
21	2103303	Thực tập sư phạm 2	5								5
Khối kiến thức cơ sở ngành			**39**								
22	2103107	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2			2					
23	2103108	Tiếng Việt thực hành	2	2							

24	2103109	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1	3		3						
25	2103110	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 2	3				3				
26	2103111	Lí luận văn học và Văn học thiếu nhi	3			3					
27	2103112	Cơ sở Toán học 1	3	3							
28	2103113	Cơ sở Toán học 2	3			3					
29	2103114	Thống kê trong giáo dục	2		2						
30	2103115	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội (phần Khoa học)	3	3							
31	2103116	Cơ sở Tự nhiên vả Xã hội (phần Lịch sử)	2		2						
32	2103117	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội (Phần Địa lí)	2		2						
33	2103118	Âm nhạc	2					2			
34	2103119	Mỹ thuật	2					2			
35	2103120	Công nghệ	2						2		
36	2103121	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	3						3		
37	2103122	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học	2				2				
Khối kiến thức chuyên sâu của ngành											
a. Bắt buộc			**32**								
38	2103304	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	3					3			
39	2103305	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	3						3		
40	2103306	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	3					3			
41	2103307	Thực hành vận dụng phương	3						3		

		pháp dạy học Toán ở tiểu học 1									
42	2103308	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	3							3	
43	2103309	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	3					3			
44	2103310	Phương pháp dạy học Công nghệ	2							2	
45	2103311	Phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học	2							2	
46	2103312	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	2						2		
47	2103313	Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	2						2		
48	2103314	Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học	2							2	
49	2103315	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	2				2				
50	2103316	Tổ chức hoạt động Đội trong trường tiểu học	2				2				
b. Tự chọn			**8**								
Tự chọn 1: *Nhóm Nghệ thuật (chọn 1/4 học phần)*			**2/8**							**2**	
51	2103401	Nhạc cụ	2							x	
52	2103402	Kĩ thuật đệm hát	2							x	
53	2103403	Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát thiếu nhi	2							x	
54	2103404	Thiết kế Mỹ thuật cơ bản	2							x	
Tự chọn 2: *Nhóm Tự nhiên - Xã hội (chọn 1/6 học phần)*			**2/12**							**2**	
55	2103405	Tổ chức hoạt động tìm hiểu	2							x	

		thực tế thế giới thực vật và động vật cho học sinh tiểu học									
56	2103406	Biển và Đảo Việt Nam	2							x	
57	2103407	Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học Tự nhiên - Xã hội	2							x	
58	2103408	Giáo dục STEAM ở tiểu học	2							x	
59	2103409	Tổ chức thực hành và thí nghiệm trong dạy học Tự nhiên - Xã hội	2							x	
60	2103410	Tích hợp giáo dục kĩ năng sống trong dạy học Tự nhiên - Xã hội	2							x	
Tự chọn 3: *Nhóm Toán (chọn 1/3 học phần)*			**2/6**							**2**	
61	2103411	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề Toán học cho học sinh tiểu học	2							x	
62	2103412	Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở tiểu học	2							x	
63	2103413	Số học	2							x	
Tự chọn 4: *Nhóm Văn - Tiếng Việt (chọn 1/5 học phần)*			**2/10**							**2**	
64	2103414	Thực hành giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học	2							x	
65	2103415	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	2							x	
66	2103416	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2							x	
67	2103417	Thi pháp văn học thiếu nhi	2							x	
68	2103418	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học	2							x	
Khóa luận hoặc các học phần thay thế			**6**								

69	2103419	Khóa luận tốt nghiệp	**6**								
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp *(chọn 2/3 học phần)*			**6/9**								**6**
70	2103420	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học.	3								x
71	2103421	Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học môn Toán.	3								x
72	2103422	Dạy học phát triển năng lực các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	3								x
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**130**	14	19	19	16	17	17	17	11

TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

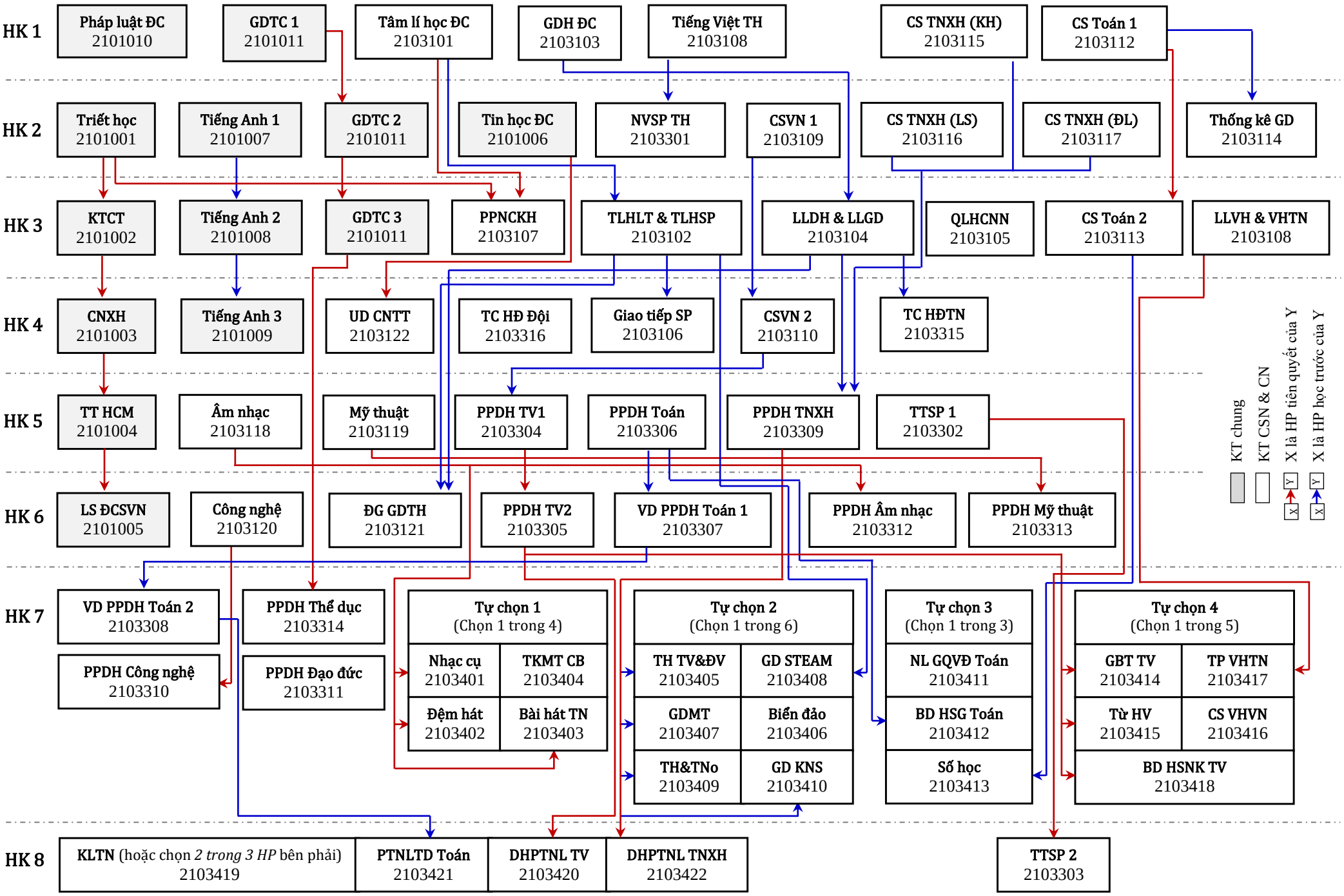

9.5. Mô tả các học phần

9.5.1. Triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2101001

Học phần "Triết học Mác – Lênin" là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lí, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

Đây là học phần bắt buộc ở học kì 2 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên của tất cả các ngành ở bậc Đại học. Kiến thức cơ bản của học phần triết học Mác – Lênin là nền tảng để sinh viên có các quan điểm, lập trường duy vật biện chứng để tiếp thu kiến thức các học phần chuyên ngành, các học phần lí luận chính trị tiếp theo.

9.5.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2101002

Học phần "Kinh tế chính trị Mác – Lênin" là một trong ba bộ phận lí luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩaMác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.

9.5.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2101003

"Chủ nghĩa xã hội khoa học" là một môn khoa học lí luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

Nội dung học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ

nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

9.5.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2101004

Học phần "Tư tưởng Hồ Chí Minh" cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.

9.5.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2101005

Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học nâng cao nhận thức, niêm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

9.5.6. Tin học đại cương (3 tín chỉ = 2 Lí thuyết + 1 Thực hành)

Mã học phần: 2101006

Học phần "Tin học đại cương" nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kĩ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.

Nội dung học phần là trang bị cho sinh viên một số kiến thức khái quát về tin học, máy tính điện tử, mạng máy tính, internet. Về kỹ năng sinh viên sử dụng tương đối thành thạo máy tính trong những công việc như: soạn thảo văn bản, lập bảng biểu, thiết kế trình diễn, khai thác Internet phục vụ cho việc học tập nghiên cứu của mình.

9.5.7. Tiếng Anh 1 (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2101007

Tiếng Anh 1 là điều kiện tiên quyết để học các học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh 3. Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kĩ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.

Học phần phát triển kĩ năng nghe, nói, đọc, viết, sử dụng được từ vựng và cấu trúc để diễn đạt ý tưởng trong giao tiếp về các chủ đề ngôn ngữ ở trình độ cơ bản. Hoàn thành biểu mẫu với thông tin cá nhân như điền tên, quốc tịch, và địa chỉ; viết thư điện tử đơn giản, ngắn gọn trong công việc và cuộc sống hàng ngày với các cách biểu đạt trạng thái tình cảm, cách sử dụng từ nối phù hợp. Ngoài ra, học phần nhằm giúp sinh viên có khả năng trang bị kiến thức cơ bản đọc viết trong công việc nghiên cứu và tiếp cận các bộ môn khoa học của sinh viên. Học phần Tiếng Anh 1 nhằm giúp sinh viên có thái độ học tập tích cực, yêu thích môn học, tự tin, sáng tạo, chia sẻ và hợp tác trong học tập, thực hiện tốt hoạt động học tập cá nhân, cặp, nhóm trong và ngoài giờ học.

9.5.8. Tiếng Anh 2 (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2101008

Tiếng Anh 2 là điều kiện tiên quyết để học tiếp học phần Tiếng Anh 3. Học phần cung cấp kiến thức và kĩ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ. Ngoài ra, học phần nhằm giúp sinh viên có khả năng trang bị kiến thức cơ bản đọc viết trong công việc nghiên cứu và tiếp cận các bộ môn khoa học của sinh viên, rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng xử lí tài liệu và làm việc nhóm nhằm phục vụ cho việc học tập ở bậc cao hơn.

9.5.9. Tiếng Anh 3 (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2101009

Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và kĩ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất. English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức về cấu trúc ngữ pháp và vốn từ vựng Tiếng Anh giao tiếp đã học ở học phần English 1, English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp. Qua đó, người học có khả năng luyện tập những bài hội thoại, các bài tập ngữ pháp phức tạp hơn, xây dựng thêm vốn từ vựng để làm nền tảng phát huy tối đa thời gian nghe và nói tiếng Anh tại lớp cũng như ngoài lớp. Ngoài ra, học phần nhằm giúp sinh viên có khả năng trang bị kiến thức cơ bản nghe, nói, đọc, viết trong công việc nghiên cứu và tiếp cận các bộ môn khoa học của sinh viên, rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng xử lí tài liệu và làm việc nhóm nhằm phục vụ cho việc học tập ở bậc cao hơn.

9.5.10. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2101010

Học phần "Pháp luật đại cương" là môn học thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương; cung cấp kiến thức mang tính lí luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; nâng cao văn hoá pháp lí cho người học; hỗ trợ người học lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) của dân, do dân, vì dân; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.

9.5.11. Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2101011

Học phần "Giáo dục thể chất 1" - 1 tín chỉ (Điền kinh) là học phần bắt buộc nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ thuật, kĩ năng vận động 2 môn Điền kinh: chạy cự ly ngắn và nhảy xa kiểu "ngồi", phát triển các tố chất vận động.

Học phần "Giáo dục thể chất 2" - 1 tín chỉ. Sinh viên sẽ chọn 1 trong số 4 học phần sau

- Học phần "Giáo dục thể chất 2" (Bóng chuyền) là học phần tự chọn nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ thuật, kĩ năng vận động về kĩ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản, kĩ thuật phát bóng thấp tay và cao tay (chính diện) và phát triển các tố chất vận động. (1 tín chỉ)

- Học phần "Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá) là học phần tự chọn nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ năng như: kĩ thuật, thể lực và một số chiến thuật cơ bản trong môn bóng đá. (1 tín chỉ)

- Học phần "Giáo dục thể chất 2" (Cầu lông) là học phần tự chọn nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ thuật, kĩ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động. (1 tín chỉ)

- Học phần :Giáo dục thể chất 2" (võ Taekwondo) là học phần tự chọn nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo). Tinh thần cao thượng, rèn luyện ý chí, tính kiên trì trong cuộc sống và để tự vệ. (1 tín chỉ)

Học phần "Giáo dục thể chất 3" - 1 tín chỉ. Sinh viên sẽ chọn 1 trong số 4 học phần sau

- Học phần "Giáo dục thể chất 3" (Bóng chuyền) là học phần tự chọn nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ thuật, kĩ năng vận động về kĩ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản, đập bóng chuyền cơ bản (đập bóng theo phương lấy đà) và chắn bóng đồng thời phát triển các tố chất vận động. (1 tín chỉ)

- Học phần "Giáo dục thể chất 3" (Bóng đá) là học phần tự chọn nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức như: kĩ thuật, thể lực, một số chiến thuật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài trong môn bóng đá. (1 tín chỉ)

- Học phần "Giáo dục thể chất 3" (Cầu lông) là học phần tự chọn nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ thuật, kĩ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động. (1 tín chỉ)

- Học phần "Giáo dục thể chất 3" (võ Taekwondo) là học phần tự chọn nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo). Tinh thần cao thượng, rèn luyện ý chí, tính kiên trì trong cuộc sống và để tự vệ. (1 tín chỉ)

9.5.12. Tâm lí học đại cương (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103101

"Tâm lí học đại cương" là học phần nền tảng giúp sinh viên có những kiến thức ban đầu về tâm lí con người. Từ đó giúp sinh viên (giáo sinh) có thể vận dụng để định hướng cho việc giảng dạy và giao tiếp với học sinh sau này.

Học phần "Tâm lí học đại cương" cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lí người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lí trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lí và nhân cách. Đồng thời hình thành phát triển kĩ năng thấu hiểu, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập môn tâm lí học đại cương.

9.5.13. Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm ở tiểu học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103102

Môn học cung cấp hệ thống tri thức khoa học về tâm lí con người, tránh các quan điểm duy tâm, phản khoa học về tâm lí. Sinh viên có kiến thức về các quy luật phát triển tâm lí, hiểu biết về tâm lí lứa tuổi học sinh tiểu học, hiểu biết về quy luật tâm lí của quá trình dạy học và giáo dục học sinh, hiểu biết về mô hình nhân cách của người giáo viên. Từ đó rèn cho sinh viên có kĩ năng vận dụng kiến thức tâm lí học trên vào việc nghiên cứu, phân tích, lí giải các đặc điểm về tâm lí của học sinh và tìm ra những biện pháp tác động phù hợp, khoa học đến tâm lí của lứa tuổi tiểu học, xác định được các cơ sở tâm lí học của dạy học, các yêu cầu về năng lực, phẩm chất nhân cách của người giáo viện hiện nay và từ đó đề ra hướng rèn luyện của bản thân. sinh viên hình thành hiểu biết về nghề nghiệp, có cơ sở trong việc khéo léo ứng xử sư phạm và bồi dưỡng lòng yêu nghề cho sinh viên sư phạm.

9.5.14. Giáo dục học đại cương (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103103

Môn học cung cấp hệ thống tri thức và kĩ năng phân tích các vấn đề cơ bản về cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất, động lực và hệ thống phương pháp dạy học theo các quan điểm dạy học truyền thống và hiện đại. Đồng thời, học phần cũng nhằm phát triển cho sinh viên khả năng phân tích các đặc điểm, bản chất và nguyên tắc giáo dục; kĩ năng vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục trong tổ chức hoạt động giáo dục phát triển phẩm chất nhân cách cho học sinh phổ thông.

9.5.15. Lí luận dạy học và Lí luận giáo dục ở tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103104

Môn học cung cấp hệ thống tri thức về lí luận giáo dục như: quá trình giáo dục và dạy học, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và phương pháp dạy học và giáo dục, công tác chủ nhiệm; vận dụng những hiểu biết về giáo dục và dạy học để lý giải các vấn đề thực tiễn nảy sinh trong quá trình giảng dạy và giáo dục ở nhà trường; nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục đối với sự phát triển cá nhân và tiến bộ xã hội, vai trò quyết định của người giáo viên chủ nhiệm đối với chất lượng giáo dục. Từ đó có ý thức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất và năng lực sư phạm để trở thành người giáo viên giỏi trong tương lai.

9.5.16. Quản lí hành chính nhà nước và Quản lí ngành Giáo dục - Đào tạo (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103105

Môn học cung cấp hệ thống hệ thống tri thức cơ bản về quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành GD tiểu học, đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục, Luật giáo dục, những điều lệ, quy định, quy chế về giáo dục & đào tạo,… làm cơ sở cho người học vận dụng vào công tác giáo dục và quản lí các hoạt động giáo dục trong thực tiễn trường tiểu học.

9.5.17. Giao tiếp sư phạm (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103106

Môn học cung cấp hệ thống tri thức lí luận về giao tiếp (nguyên tắc, phong cách, phương tiện và kĩ năng giao tiếp) khi tiến hành các hoạt động sư phạm ở tiểu học. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để tổ chức hoặc giải quyết hiệu quả các tình huống giao tiếp với học sinh tiểu học và các đối tượng khác trong quá trình công tác, góp phần xây dựng văn hóa giao tiếp trong nhà trường tiểu học.

9.5.18. Rèn Nghiệp vụ sư phạm tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103301

Học phần giúp sinh viên nắm được những kiến thức và kĩ năng cơ bản để rèn luyện trở thành người giáo viên Tiểu học: kĩ năng nói, đọc, kể, thuyết trình (chính âm, ngữ điệu, các bình diện âm thanh, thể loại văn bản, các yếu tố bổ trợ…); kĩ năng viết chữ, viết văn bản và trình bày bảng. Bên cạnh đó, bồi dưỡng cho sinh viên ý thức tích cực, chủ động trong việc trau dồi, rèn luyện trong học tập để trở thành người giáo viên Tiểu học.

9.5.19. Thực tập sư phạm 1 (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103302

"Thực tập sư phạm 1" là học phần bắt buộc thuộc nhóm Thực hành sư phạm. Sinh viên sẽ được đến các trường tiểu học trong thời gian 4 tuần để bước đầu tìm hiểu về môi trường, đối tượng giáo dục, được xây dựng và thực hiện kế hoạch thực tập dạy học, giáo dục dưới sự hướng dẫn của các giáo viên tiểu học tại trường. Qua đó, sinh viên sẽ vận dụng những tri thức, kĩ năng tiếp thu được để thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục một cách độc lập; đồng thời rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong, lối sống phù hợp với nghề nghiệp.

9.5.20. Thực tập sư phạm 2 (5 tín chỉ)

Mã học phần: 2103303

"Thực tập sư phạm 2" là học phần bắt buộc thuộc nhóm Thực hành sư phạm. Sinh viên sẽ được đến các trường tiểu học trong thời gian 8 tuần để tìm hiểu về môi trường, đối tượng giáo dục, được xây dựng và thực hiện kế hoạch thực tập dạy học, giáo dục dưới sự hướng dẫn của các giáo viên tiểu học tại trường. Qua đó, sinh viên sẽ vận dụng những tri thức, kĩ năng tiếp thu được để thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục một cách độc lập; đồng thời rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong, lối sống phù hợp với nghề nghiệp.

9.5.21. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103107

Học phần trang bị cho người học những khái niệm, tính chất của nghiên cứu khoa học nói chung, nghiên cứu khoa học giáo dục nói riêng và những đặc trưng của nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học. Kết thúc học phần người học có khả năng xác định dược vấn đề cần nghiên cứu, mục đích, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu khoa

học giáo dục tiểu học. Đồng thời người học cũng có thể xây dựng một đề cương và triển khai được trình tự các bước để thực hiện thành công một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học.

9.5.22. Tiếng Việt thực hành (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103108

"Tiếng Việt thực hành" là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt và các kĩ năng sử dụng tiếng Việt: rèn luyện kĩ năng chính tả, rèn luyện kĩ năng dùng từ, rèn luyện kĩ năng đặt câu, rèn luyện kĩ năng xây dựng đoạn văn và rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản. Qua đó, giúp cho người học rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ và nâng cao kĩ năng sử dụng tiếng Việt phục vụ cho hoạt động học tập, nghiên cứu và giảng dạy cho học sinh bậc Tiểu học.

9.5.23. Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1 (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103109

"Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1" là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần cơ sở ngành cung cấp tri thức cơ bản về: (1) Dẫn luận ngôn ngữ học trình bày những vấn đề khái quát về ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bản chất và chức năng của ngôn ngữ, ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu, phân loại ngôn ngữ. (2) Ngữ âm học tiếng Việt trình bày về ngữ âm, ngữ âm học, các đơn vị ngữ âm, âm tiết tiếng Việt và hệ thống âm vị tiếng Việt hiện đại, một số vấn đề liên quan đến ngữ âm học trong nhà trường. (3) Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt trình bày một số vấn đề về từ vựng và từ vựng – ngữ nghĩa học, đơn vị từ vựng và hệ thống từ vựng.

9.5.24. Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 2 (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103110

"Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 2" là học phần nối tiếp của học phần Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1. Là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Nó cung cấp cho người học những tri thức và kĩ năng cơ bản về: (i) Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại, cú pháp…) (ii) Ngữ pháp văn bản (nhận diện văn bản, đoạn văn, các phương tiện liên kết câu, đoạn…) và (iii) Phong cách học tiếng Việt (khái niệm, các dạng phong cách và đặc trưng của chúng, các biện pháp tu từ…). Đây là những tri thức cần thiết để vận dụng vào việc dạy, học ngữ pháp; dạy viết văn;

tìm hiểu tác phẩm văn chương… và góp phần hình thành năng lực ngôn ngữ cho giáo viên và học sinh tiểu học.

9.5.25. Lí luận văn học và Văn học thiếu nhi (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103111

"Lí luận Văn học và Văn học thiếu nhi" là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lí luận văn học và văn học thiếu nhi. Phần lí luận văn học gồm những vấn đề chủ yếu như: lí luận văn học, tác phẩm văn học... Phần văn học thiếu nhi gồm những kiến thức về một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam và văn học nước ngoài trong chương trình Sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học. Thông qua học phần, người học có khả năng nhận diện, phân tích và đánh giá tác phẩm văn học để vận dụng linh hoạt, hiệu quả trong quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy cho học sinh bậc Tiểu học.

9.5.26. Cơ sở Toán học 1 (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103112

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về toán cao cấp như tập hợp, ánh xạ, quan hệ hai ngôi, cơ sở logic toán. Đây là các kiến thức rất cần thiết và quan trọng để có thể học tập và nghiên cứu các học phần toán tiếp theo. Các cấu trúc đại số hiện đại như nhóm, vành trường cũng được giới thiệu sơ lược trong học phần này. Dựa trên quan điểm của lý thuyết tập hợp, sinh viên được học cách xây dựng các tập hợp số tự nhiên, số hữu tỉ không âm, số thực và số phức.

9.5.27. Cơ sở Toán học 2 (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103113

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về Đại số sơ cấp và Hình học sơ cấp cho người học. Đây là các kiến thức quan trọng và cần thiết để người học có thể vận dụng khi học các học phần về Thực hành giải toán ở tiểu học. Dựa trên các kiến thức cơ bản được cung cấp từ học phần này, người học hiểu rõ cơ sở khoa học của nội dung chương trình môn Toán ở tiểu học, từ đó có thể dạy tốt các nội dung này.

9.5.28. Thống kê trong giáo dục (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103114

"Thống kê trong giáo dục" là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Giáo dục Tiểu học, và đây là kiến thức cơ sở ngành của ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lí thuyết xác suất: Phép thử, biến

cố, xác suất của biến cố, xác suất có điều kiện; Đại lượng ngẫu nhiên; Luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên; Các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên; Một số phân phối xác suất đặc biệt của đại lượng ngẫu nhiên. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lí thuyết thống kê toán học: lí thuyết về mẫu ngẫu nhiên; các bài toán thống kê suy luận: bài toán ước lượng các tham số đặc trưng của tổng thể, các bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.

9.5.29. Cơ sở Tự nhiên và Xã hội (phần Khoa học) (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103115

Môn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản cập nhật về: thế giới thực vật, thế giới động vật, con người và sức khoẻ, nguyên nhân, tác hại và cách phòng tránh một số bệnh cho học sinh tiểu học; những đặc tính cơ bản và công dụng của một số loại vật chất, sự biến đổi của chất; các loại năng lượng, môi trường và mối quan hệ của chúng với đời sống con người.

9.5.30. Cơ sở Tự nhiên và Xã hội (Phần Lịch sử) (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103116

Học phần cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử: lịch sử văn hóa và truyền thống Việt Nam, những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam, quá trình đấu tranh, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, sự phân bố và các đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam. Lịch sử các nước láng giềng; Dân số và các chủng tộc trên thế giới; Một số nền văn minh trên thế giới.Học phần cũng trang bị những nguyên tắc cơ bản của phương pháp và thao tác trong nguyên cứu lịch sử, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề lịch sử Việt Nam và thế giới.

9.5.31. Cơ sở Tự nhiên và Xã hội (Phần Địa lí) (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103117

- Cung cấp một số kiến thức cơ bản về tự nhiên và kinh tế - xã hội, giới thiệu khái quát về các châu lục.

- Tìm hiểu Địa lí Việt Nam.

- Nhận diện sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên, tìm hiểu khả năng sử dụng tự nhiên và vấn đề sử dụng tự nhiên của địa bàn nghiên cứu.

9.5.32. Âm nhạc (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103118

a. Nhạc lí:

Lí thuyết âm nhạc sơ giản là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, có vai trò rất quan trọng đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản như sau: Giới thiệu những kiến thức sơ giản về nhạc lí phổ thông: Âm thanh – Âm nhạc, Độ cao âm thanh, Độ dài âm thanh; Tìm hiểu ký hiệu, ký hiệu điều chỉnh và các phương pháp ghi chép nhạc về: Cao độ, Trường độ...; Tìm hiểu phương pháp và cách thức thể hiện các yếu tố trong âm nhạc: Loại nhịp, Cung, Quãng, Dấu hóa, Hóa biểu, Điệu thứ...; Làm quen với một số nguyên tắc cơ bản trong âm nhạc về hòa âm: Quãng, Hợp âm, biến thể của các loại điệu thức, Dịch giọng... Những kiến thức trên nhằm trang bị cho sinh viên để tiếp tục học môn Đọc nhạc và hát, môn Đàn phím điện tử, phương pháp giáo dục âm nhạc Tiểu học.

b. Tập đọc nhạc:

Đọc nhạc là học phần rất cần thiết đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Trong học phần này, sinh viên vận dụng lí thuyết âm nhạc sơ giản vào thực hành Đọc nhạc. Bước đầu hình thành các kĩ năng thực hành âm nhạc về sau rèn luyện thêm đọc nhạc có sắc thái biểu hiện các bản nhạc và đọc ứng dụng vào các bài hát trong chương trình âm nhạc ở Tiểu học. Sau khi ra trường các em có thể đọc các bài tập đọc nhạc và có khả năng ca hát tốt.

9.5.33. Mỹ thuật (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103119

"Mỹ thuật" là một học phần bắt buộc trong khung chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học. Thông qua học phần cung cấp cho SV một lượng kiến thức cơ bản về lí luận Mỹ thuật và thưởng thức Mỹ thuật; giúp SV nắm được các kiến thức, kĩ năng cơ bản về vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh. Đồng thời giúp sinh viên có khả năng tự nghiên cứu, vận dụng các kiến thức Mỹ thuật vào quá trình công tác sau khi ra trường và biết cách thưởng thức các tác phẩm mỹ thuật.

9.5.34. Công nghệ (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103120

Học phần có những kiến thức cơ bản về thủ công, kĩ thuật và công nghệ; những vấn đề tổng quan về thủ công, kĩ thuật; công nghệ; kĩ thuật tạo hình bằng giấy bìa; kĩ thuật làm đồ chơi; thiết kế; đổi mới công nghệ; lắp ghép mô hình kĩ thuật, kĩ thuật trồng cây và chăn nuôi. Có khả năng sử dụng được một số sản phẩm công nghệ thông

dụng trong gia đình đúng cách, an toàn; thiết kế được sản phẩm thủ công kĩ thuật đơn giản; trao đổi được một số thông tin đơn giản về các sản phẩm công nghệ trong phạm vi gia đình, nhà trường; nhận xét được ở mức đơn giản về sản phẩm công nghệ thường gặp; nhận biết được vai trò của công nghệ đối với đời sống trong gia đình, ở nhà trường.

9.5.35. Đánh giá trong giáo dục tiểu học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103121

Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về hoạt động đánh giá ở trường tiểu học hướng đến việc giúp người học có năng lực đánh giá hiệu quả hoạt động học tập của học sinh tiểu học. Học phần này cũng hướng đến việc giúp người học có được tư duy và năng lực tổ chức các hoạt động đánh giá trong mối liên hệ chặt chẽ với các hoạt động dạy học, làm cho hoạt động đánh giá thể hiện đúng vai trò của nó là nâng cao việc học và năng lực tự học, tự giáo dục của học sinh, góp phần cải thiện chất lượng và hiệu quả giáo dục.

9.5.36. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103122

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin trong việc soạn bài giảng, trò chơi trong giảng dạy ở bậc học tiểu học và làm quen với lập trình cơ bản dành cho lứa tuổi tiểu học. Trang bị cho sinh viên một số kiến thức về sử dụng phần mềm PowerPoint (hình ảnh, nhạc, video, trắc nghiệm,…), soạn bài giảng và tổ chức trò chơi cho bậc tiểu học; cung cấp kiến thức lập trình cơ bản với phần mềm Microsoft Windows Logo. Đây là cơ sở để tạo nên các bài giảng hấp dẫn, gần gũi và phù hợp với bậc học tiểu học.

9.5.37. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103304

"Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1" là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Phương pháp dạy học Tiếng Việt nói chung và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; Các cơ sở khoa học của dạy học Tiếng Việt; chương trình và các tài liệu dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; Các nguyên tắc và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; Các phương tiện dạy học và cách thiết kế bài dạy môn Tiếng Việt ở Tiểu học. Đây là những kiến thức nền tảng và kỹ năng quan trọng để dạy học môn Tiếng Việt ở

Tiểu học. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị những kiến thức, kỹ năng và cách tổ chức dạy học Đọc- hiểu và Nói – nghe ở Tiểu học với các phân môn Học vần, Tập đọc và Luyện từ và câu.

9.5.38. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103305

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức, kĩ năng được tích hợp trong các bài học rèn kĩ năng viết, nói và nghe ở tiểu học với các mức độ căn bản thông qua Phương pháp dạy học viết ở tiểu học và Phương pháp dạy học nói và nghe ở tiểu học. Học phần còn giúp người học vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích hợp các kĩ năng ngôn ngữ: đọc, viết, nói và nghe trong môn Tiếng Việt ở tiểu học qua các phân môn Tập viết, Chính tả, Tập làm văn, Kể chuyện; Vận dụng phương pháp kiểm tra đánh giá phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh tiểu học để xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học Tiếng Việt phù hợp với mục tiêu, điều kiện thực tế và đối tượng học sinh tiểu học.

9.5.39. Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103306

Học phần "Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học" giới thiệu những vấn đề chung về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp dạy học Toán ở tiểu học bao gồm: Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của việc dạy học toán ở tiểu học. Những đặc điểm tâm lí của trẻ em tiểu học khi học toán;Các phương pháp suy luận thường dùng ở môn toán tiểu học; Các phương pháp và hình thức dạy học toán ở tiểu học; Phương pháp kiểm tra đánh giá; Sử dụng thiết bị dạy học toán ở tiểu học.

9.5.40. Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103307

Học phần "Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1" cung cấp cho sinh viên các phương pháp dạy học các chủ đề toán học cụ thể ở Tiểu học như: Phương pháp dạy học số học và các phép tính; Phương pháp dạy học đại lượng và đo đại lượng; Phương pháp dạy học các yếu tố hình học; Phương pháp dạy học các yếu tố thống kê; Phương pháp dạy học giải toán có lời văn; Thực hành dạy học Toán ở Tiểu học.

9.5.41. Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103308

Học phần "Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2" gồm ba chương: Chương 1: Trình bày các khái niệm và các vấn đề liên quan đến hoạt động dạy học giải toán ở Tiểu học; Chương 2: Tìm hiểu các phương pháp giải toán đặc thù và vận dụng vào dạy học học ở Tiểu học. Chương này gồm 16 phương pháp đặc thù thường dùng để giải các bài toán ở Tiểu học; Chương 3: Thực hành hoạt động dạy học giải toán ở trường Tiểu học với các nội dung như: Thực hành giải toán, thực hành hướng dẫn học sinh giải toán, thực hành thiết kế đề toán và thực hành đánh giá bài làm của học sinh.

9.5.42. Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103309

Học phần cung cấp các kiến thức về dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở trường tiểu học, cụ thể như: mục tiêu, nội dung chương trình; phương pháp dạy học; phương tiện và hình thức tổ chức tổ chức dạy học; kiểm tra đánh giá kết quả trong dạy học. Thông qua học phần này, người học có khả năng phân tích nội dung chương trình; lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng học sinh để xây dựng và tổ chức các hoạt động dạy học một cách hiệu quả.

9.5.43. Phương pháp dạy học Công nghệ (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103310

Học phần có những kiến thức cơ bản về vị trí, đối tượng, nội dung, chương trình Tin học và công nghệ; các phương pháp thường được sử dụng. Có kĩ năng ứng dụng của phương pháp dạy học Công nghệ vào các hoạt động giảng dạy, hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; có kĩ năng sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học: thực hành, giảng giải, phân tích, đánh giá trong các hoạt động giáo dục ở Tiểu học.

9.5.44. Phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103311

Học phần "Phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu học" cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về Đạo đức học Mác - Lênin, của quá trình giáo dục đạo đức cho học sinh Tiểu học, có tác dụng định hướng cho quá trình dạy học môn Đạo đức. Đồng thời, giúp cho sinh viên nắm được cách thức tổ chức quá trình dạy học môn Đạo đức hiệu quả - từ việc xác định vị trí, vai trò xây dựng nhiệm vụ và nội dung môn Đạo đức, cho đến vận dụng những phương pháp, hình thức tổ chức dạy học thích hợp để đạt

được những mục tiêu của môn Đạo đức ở Tiểu học, và cuối cùng là kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn Đạo đức nói chung và kết quả học tập môn Đạo đức của học sinh nói riêng.

9.5.45. Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103312

Học phần "Phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học" là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học. Qua đó, người học rèn luyện để hình thành năng lực dạy học môn Âm nhạc, đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông.

9.5.46. Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103313

"Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học" là một học phần bắt buộc trong khung chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học. Thông qua học phần giúp sinh viên nắm bắt được xu hướng, tình hình dạy học Mỹ thuật ở bậc tiểu học; một số vấn đề chung về Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở trường tiểu học; lí luận về dạy học, các phương pháp dạy - học các phân môn Mỹ thuật ở trường tiểu học; xây dựng được cấu trúc bài giảng theo các phân môn Mỹ thuật ở tiểu học; bổ trợ, nâng cao hiểu biết, năng lực sư phạm cho Sinh viên.

9.5.47. Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103314

Học phần được trình bày theo module, bao gồm ba chủ đề: Những vấn đề chung về giáo dục thể chất, các phương tiện giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học; Đặc điểm phát triển thể chất ở lứa tuổi học sinh tiểu học, cơ sở phương pháp giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học; Nội dung và hình thức giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học. Mỗi chủ đề được cấu trúc thành 4 vấn đề: Mục tiêu; Giới thiệu chung về chuyên đề; Tài liệu và thiết bị dạy học; Nội dung cụ thể của chủ đề.

9.5.48. Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103315

Môn học trang bị cho người học các kiến thức về những vấn đề cơ bản về hoạt động trải nghiệm trường tiểu học, tổ chức được các hoạt động trải nghiệm trải nghiệm

cho học sinh trong các giờ học, các hoạt động ngoài giờ, lên lớp, xây dựng được cách thức đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm phù hợp với từng hoạt động của học sinh.

9.5.49. Tổ chức hoạt động Đội trong trường tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103316

Học phần "Tổ chức hoạt động Đội trong trường tiểu học" là một học phần bắt buộc trong khung chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên một lượng kiến thức về tổ chức Đội TNTP- HCM và sao nhi đồng, đồng thời được tìm hiểu về hoạt động giáo dục ở trường Tiểu học, nắm được các nội dung về thực hành, tham gia các hoạt động của Đội thiếu niên TPHCM. Từ đó sinh viên có thể xây dựng, tổ chức được các hoạt động Đội, hoạt động sao nhi đồng ở trường Tiểu học. Giúp sinh viên có được kiến thức, kỷ năng quản lí, tổ chức, kỷ năng để tự nghiên cứu và vận dụng vào quá trình công tác sau khi ra trường đồng thời biết cách tổ chức, thực hành hoạt động Đội và sao nhi đồng trong trường Tiểu học.

9.5.50. Nhạc cụ (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103401

Học phần "Nhạc cụ" là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kĩ năng cơ bản về sử dụng một số nhạc cụ được quy định ở cấp học Tiểu học. Qua đó, người học rèn luyện để hình thành năng lực sử dụng nhạc cụ, đáp ứng được yêu cầu dạy học môn Âm nhạc của Chương trình giáo dục phổ thông.

9.5.51. Kĩ thuật đệm hát (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103402

Học phần "Kĩ thuật đệm hát" là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kĩ năng cơ bản về kĩ thuật đệm hát của những nhạc cụ được quy định ở cấp học Tiểu học. Qua đó, người học rèn luyện để hình thành năng lực đệm hát của bản thân; biết biên soạn, tổ chức, dàn dựng tiết mục đệm hát cho học sinh cấp Tiểu học, đáp ứng được yêu cầu dạy học môn Âm nhạc trong Chương trình giáo dục phổ thông.

9.5.52. Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát thiếu nhi (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103403

Học phần "Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát thiếu nhi" là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức về thể loại bài hát và kĩ năng thể hiện bài hát ở cấp Tiểu học. Qua đó, người học rèn luyện để hình thành năng lực phân tích và thể hiện bài hát, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Âm nhạc trong Chương trình giáo dục phổ thông.

9.5.53. Thiết kế Mỹ thuật cơ bản (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103404

"Thiết kế Mỹ thuật cơ bản" là một học phần tự chọn trong khung chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học. Thông qua học phần giúp sinh viên biết kết hợp giữa mỹ thuật và kĩ thuật đồ họa vào thiết kế các sản phẩm, mẫu mã cơ bản mang tính sáng tạo, mỹ thuật. Giúp sinh viên sau khi ra trường có thể làm thiết kế mỹ thuật hoặc vận dụng các kiến thức, kĩ năng vào việc thiết kế các bài giảng bằng công nghệ, tăng cường tính tích trực quan sinh động, nâng cao hiệu quả của phương pháp dạy học mô phỏng, mô hình, bảng biểu, mẫu chữ…nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

9.5.54. Tổ chức hoạt động tìm hiểu thực tế thế giới thực vật và động vật cho học sinh tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103405

Học phần "Tổ chức hoạt động tìm hiểu thế giới thực vật và động vật cho học sinh tiểu học" giới thiệu những kiến thức khái quát về giới thực vật và giới động vật. Quan sát và nhận biết các cơ quan sinh dưỡng (lá, thân, rễ), các cơ quan sinh sản (hoa, quả, hạt) của những loài thực vật bản địa, đặc điểm sinh học của một số động vật thường gặp; tìm hiểu các cơ chế sinh sản và tăng trưởng của thực vật, vai trò của các hoocmon thực vật, sự thích nghi của thực vật với môi trường, quá trình sinh sản và phát triển, tập tính và khả năng thích nghi với môi trường của động vật.

9.5.55. Biển và Đảo Việt Nam (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103406

Học phần gồm một số nội dung cơ bản sau: Khái quát về điều kiện tự nhiên biển Đông; Vai trò và đặc điểm tự nhiên của hệ thống đảo và quần đảo của nước ta; Tiềm năng và hiện trạng khai thác tài nguyên biển và đảo Việt Nam

9.5.56. Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học Tự nhiên - Xã hội (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103407

"Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học Tự nhiên Xã hội" là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dạy học tích hợp; về môi trường, các vấn đề liên quan đến môi trường, mối quan hệ giữa giáo dục môi trường với các môn tự nhiên xã hội; đồng thời đưa ra những nguyên tắc và quy trình tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học tự nhiên xã hội. Từ đó sinh viên có thể vận dụng để thiết kế và tổ chức dạy học tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học tự nhiên xã hội ở Tiểu học. Ngoài ra, học phần còn khái quát chương trình, chuẩn kiến thức, kĩ năng và sách giáo khoa tự nhiên xã hội các lớp 1, 2, 3.

9.5.57. Giáo dục STEAM ở tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103408

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về STEAM, giáo dục STEAM ở trường phổ thông nói chung và ở tiểu học nói riêng, cách thức triển khai giáo dục STEAM có hiệu quả ở trường tiểu học. Học phần cũng cung cấp cho người học một số định hướng, phương pháp xây dựng và triển khai các bài học STEAM trong chương trình tiểu học. Thông qua học phần này, người học có năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục STEAM một cách hiệu quả, sáng tạo, phù hợp với đối tượng học sinh tiểu học.

9.5.58. Tổ chức thực hành và thí nghiệm trong dạy học Tự nhiên - Xã hội (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103409

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức thực hành và thí nghiệm về các chủ đề có liên quan trực tiếp đến nội dung học tập môn Tự nhiên - Xã hội. Trên cơ sở đó, sinh viên xây dựng và tổ chức các hoạt động dạy để phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội và đặc biệt năng lực tự chủ cho học sinh tiểu học theo định hướng tiếp cận năng lực của chương trình giáo dục phổ thông mới.

9.5.59. Tích hợp giáo dục kĩ năng sống trong dạy học Tự nhiên - Xã hội (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103410

"Tích hợp giáo dục kĩ năng sống trong dạy học Tự nhiên Xã hội" là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Có vai trò nền tảng trong việc hình thành và phát triển thái độ, hành vi tích cực, phù hợp cần thiết giúp học sinh có thể ứng xử hiệu quả các tình huống trong cuộc sống như: các quy tắc giữ vệ sinh, an toàn cho bản thân, gia đình và cộng đồng, yêu gia đình, quê hương, trường học và có thái độ thân thiện

với thiên nhiên. Các mạch nội dung được tổ chức tích hợp kĩ năng sống qua môn tự nhiên xã hội đảm bảo tính logic như sau: tìm hiểu mục tiêu, nguyên tắc giáo dục kĩ năng sống, nội dung giáo dục kĩ năng sống, một số phương pháp cũng như kĩ thuật dạy học tích cực và thực hành giáo dục kĩ năng sống cho học sinh qua môn tự nhiên xã hội.

9.5.60. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề Toán học cho học sinh tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103411

Học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản về năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, đổi mới phương pháp dạy học nhằm chú trọng phát triển năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề của học sinh trong dạy học khái niệm ở tiểu học, phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học giải toán ở tiểu học.

9.5.61. Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103412

Học phần gồm có 3 chương: Chương 1. Giới thiệu một số nội dung cơ bản về bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở Tiểu học như: mục đích của việc bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở Tiểu học; biểu hiện của học sinh giỏi toán và biện pháp bồi dưỡng; phát triển kĩ năng tiền chứng minh cho học sinh qua giải toán; Chương 2. Giới thiệu các dạng toán nâng cao ở Tiểu học và phương pháp giải chúng; Chương 3. Trình bày về việc tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở trường Tiểu học với các nội dung như: xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi; thiết kế đề thi học sinh giỏi và các hoạt động ngoại khóa.

9.5.62. Số học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103413

Học phần này bao gồm các nội dung: Phép chia hết và phép chia có dư, UCLN, BCNN, phương trình Diophantine, số nguyên tố, hợp số, định lý cơ bản của số học và một vài hàm số số học; Đồng dư thức, phương trình và hệ phương trình đồng dư; Liên phân số và giản phân; Hệ thống ghi số và dấu hiệu chia hết

9.5.63. Thực hành giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103414

"Thực hành giải bài tập Tiếng Việt" là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về hệ thống bài tập Tiếng Việt ở tiểu học : Đọc, Viết, Nói và Nghe qua các phân môn Tiếng Việt ở tiểu

học. Học phần giúp người học có khả năng ứng dụng vào thực tiễn việc tổ chức các hoạt động hướng dẫn học sinh tiểu học giải bài tập Tiếng Việt đúng qui trình và đạt hiệu quả cao. Rèn luyện cho người học cách thức đánh giá năng lực giải bài tập và vận dụng bài tập vào thực tiễn giao tiếp của học sinh tiểu học.

9.5.64. Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103415

"Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học" là học phần tự chọn thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Học phần cung cấp những kiến thức chung về: (1) Hiện tượng vay mượn trong ngôn ngữ và trong tiếng Việt. (2) Từ Hán Việt. (3) Giảng dạy từ Hán Việt ở trường tiểu học. Qua đó, người học có tri thức, kĩ năng nhận diện, giải nghĩa và hệ thống hóa vốn từ Hán Việt, có khả năng sử dụng lớp từ này hiệu quả. Đồng thời biết vận dụng hiểu biết về từ Hán Việt để định hướng, tổ chức cho học sinh tiểu học tiếp cận, khai thác một cách có hiệu quả lớp từ này trong tiếp nhận và tạo lập ngôn bản.

9.5.65. Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103416

"Cơ sở văn hóa Việt Nam" là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành và là môn học đại cương giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa; đặc trưng văn hóa; nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay. Học phần còn hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội; tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.

9.5.66. Thi pháp văn học thiếu nhi (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103417

"Thi pháp văn học thiếu nhi" là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên sâu của ngành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thi pháp văn học thiếu nhi bao gồm: thi pháp và thi pháp học, quan niệm nghệ thuật về con người, thời gian nghệ thuật và không gian nghệ thuật trong văn học thiếu nhi, cốt truyện và kết cấu trong văn học thiếu nhi, ngôn từ nghệ thuật trong văn học thiếu nhi. Qua đó, người học có khả năng nhận diện, phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học

trong chương trình Sách giáo khoa và vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào quá trình dạy học cho học sinh bậc Tiểu học.

9.5.67. Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học (2 tín chỉ)

Mã học phần: 2103418

Là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học những căn cứ khoa học của việc dạy học theo định hướng phân hóa đối tượng học sinh, phát huy cá tính sáng tạo, năng lực vượt trội của học sinh có năng khiếu Tiếng Việt ở tiểu học. Học phần giúp người học biết vận dụng các biện pháp, cách thức để phát hiện những học sinh có năng khiếu, hứng thú học tập môn Tiếng Việt và vận dụng hiệu quả cách thức bồi dưỡng hứng thú, bồi dưỡng vốn sống cho học sinh tiểu học; giúp học sinh có năng khiếu tiếng Việt trau dồi kiến thức, kĩ năng về từ và câu, kĩ năng cảm thụ văn học và kĩ năng làm văn cần thiết để trở thành học sinh giỏi môn Tiếng Việt ở tiểu học.

9.5.68. Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103420

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về năng lực và dạy học phát triển năng lực cho học sinh tiểu học. Giúp người học phân biệt được năng lực và kĩ năng của học sinh tiểu học; nắm vững ý nghĩa của dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học. Qua đó giúp người hoc biết cách thiết kế bài học và tổ chức các hoạt động dạy học phát triển năng lực qua các phân môn Tiếng Việt.Cụ thể là giúp người học biết xác định mục tiêu bài học phát triển năng lực và phẩm chất phù hợp các kĩ năng Đọc, Viết, Nói và nghe ở tiểu học; vận dụng tốt phương pháp dạy học phát triển năng lực trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học; lựa chọn và vận dụng linh hoạt hình thức tổ chức dạy học và quy trình kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh tiểu học phù hợp với thực tiễn.

9.5.69. Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học môn Toán (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103421

Học phần này giúp sinh viên rèn luyện các thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa, cụ thể hóa và đặc biệt hóa. Học phần cũng giúp sinh viên được rèn luyện tư duy và ngôn ngữ chính xác. Sinh viên sẽ được rèn luyện và phát triển các kỹ năng thông qua việc giải các dạng toán điển hình ở Tiểu

học. Cuối cùng, sinh viên sẽ biết cách tìm hiểu các đặc điểm cá nhân của học sinh để từ đó có thể phân loại học sinh, có kế hoạch phụ đạo hoặc bồi dưỡng các học sinh có năng khiếu toán.

9.5.70. Dạy học phát triển năng lực các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học (3 tín chỉ)

Mã học phần: 2103422

Học phần cung cấp các kiến thức về thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở trường tiểu học theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Thông qua học phần này, người học có được tư duy và năng lực dạy học các môn học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học một cách hiệu quả, hiện đại, phù hợp với xu hướng mới của thực tiễn.

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO **TRƯỞNG KHOA**

HIỆU TRƯỞNG